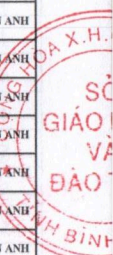


DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG: 01 - THPT chuyên Hùng Vương

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng	TRÚNG TUYỂN
							học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiep										Đại trà	
1	010007	Nguyễn Ngọc Mai	An	Nữ	05/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	ANH	VĂN	21	04			9,00	9,40	10,00	28,40	CHUYÊN ANH
2	010033	Mai Quốc	Anh	Nam	13/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	07			7,00	8,70	7,25	22,95	CHUYÊN ANH
3	010055	Trần Ngọc Trâm	Anh	Nữ	07/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		06	03			7,50	9,50	8,50	25,50	CHUYÊN ANH
4	010071	Hoàng Long Thiên	Bảo	Nam	28/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	ANH		09	11			8,25	8,70	9,25	26,20	CHUYÊN ANH
5	010077	Phan Gia	Bảo	Nam	05/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	ANH		09	11			8,50	9,20	8,50	26,20	CHUYÊN ANH
6	010078	Phan Trương Gia	Bảo	Nam	24/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Cường	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		05	04			7,00	9,60	9,00	25,60	CHUYÊN ANH
7	010080	Trần Dương Gia	Bảo	Nam	06/07/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	ANH		12	30			7,75	9,00	10,00	26,75	CHUYÊN ANH
8	010129	Trần Thái	Đạt	Nam	02/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	Thành phố Bến Cát	2025	ANH		03	04			8,50	9,40	9,25	27,15	CHUYÊN ANH
9	010134	Võ Tuệ	Đoan	Nữ	28/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	ANH	TOÁN	06	08			8,00	8,70	9,50	26,20	CHUYÊN ANH
10	010135	Nguyễn Thành	Đồng	Nam	16/07/2010	Đồng Nai	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	07	1	Giải Nhì KHKT cấp tỉnh	8,75	9,00	9,50	28,25	CHUYÊN ANH
11	010149	Đinh Lê Thái	Hà	Nữ	07/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	08			9,00	9,10	9,50	27,60	CHUYÊN ANH
12	010160	Vũ Minh	Hải	Nam	11/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	ANH	VĂN	06	08			8,25	9,50	9,25	27,00	CHUYÊN ANH
13	010172	Bùi Gia	Hân	Nữ	25/06/2010	Bạc Liêu	Trường THCS Định Hòa	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		02	03			8,50	9,10	8,00	25,60	CHUYÊN ANH
14	010185	Phan Lê Gia	Hân	Nữ	21/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		02	03			8,50	9,70	8,50	26,70	CHUYÊN ANH
15	010168	Lê Nguyễn Minh	Hằng	Nữ	24/12/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	ANH	VĂN	09	29			8,25	8,60	10,00	26,85	CHUYÊN ANH
16	010171	Trần Thị Minh	Hằng	Nữ	06/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	ANH		06	12			9,00	9,10	10,00	28,10	CHUYÊN ANH
17	010164	Lâm Nhật	Hào	Nam	15/05/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	12			8,50	9,10	9,75	27,35	CHUYÊN ANH
18	010214	Chang Đình	Huy	Nam	24/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	ANH		21	22			8,00	9,50	10,00	27,50	CHUYÊN ANH
19	010249	Nguyễn Minh	Khang	Nam	17/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Cường	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		02	03			8,00	9,10	8,75	25,85	CHUYÊN ANH
20	010253	Tạ Gia	Khang	Nam	25/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	07	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	9,10	10,00	28,10	CHUYÊN ANH
21	010261	Nguyễn Quang	Khánh	Nam	12/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	07			7,75	9,40	9,75	26,90	CHUYÊN ANH
22	010262	Phạm Phan Vân	Khánh	Nữ	12/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		06	12			7,50	8,80	8,80	25,10	CHUYÊN ANH
23	010270	Phạm Đăng	Khoa	Nam	15/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Hòa	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		06	02			8,50	8,10	10,00	26,60	CHUYÊN ANH
24	010277	Nguyễn Đăng	Khôi	Nam	05/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	ANH		21	22			8,25	9,30	9,50	27,05	CHUYÊN ANH
25	010280	Trần Tuấn Anh	Khôi	Nam	10/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		03	05			7,50	8,70	9,00	25,20	CHUYÊN ANH
26	010282	Lê Đan	Khương	Nữ	17/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	08			8,75	9,30	8,25	26,30	CHUYÊN ANH
27	010305	Bùi Nguyễn Thùy	Lâm	Nữ	12/01/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	ANH		09	11			8,50	9,40	8,50	26,40	CHUYÊN ANH
28	010320	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	02/09/2010	Đồng Nai	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	ANH	LÍ	21				7,25	9,70	9,50	26,45	CHUYÊN ANH
29	010330	Vi Thị Khánh	Linh	Nữ	20/01/2010	Sơn La	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	ANH		21		1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,50	9,40	10,00	27,90	CHUYÊN ANH
30	010342	Nguyễn Công	Luận	Nam	15/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		02	03			8,00	7,60	9,50	25,10	CHUYÊN ANH
31	010352	Đặng Gia	Minh	Nam	04/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		02	03			8,50	8,90	7,75	25,15	CHUYÊN ANH
32	010367	Trần Ngọc Minh	Minh	Nữ	29/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH	VĂN	06	02			8,50	8,60	8,00	25,10	CHUYÊN ANH



TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng	TRÚNG TUYỂN
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										Đạt trà	
33	010369	Cao Vi Trà	My	Nữ	14/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Hòa	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		06	02		8,50	9,00	9,00	26,50	CHUYÊN ANH
34	010370	Dương Ngọc Hà	My	Nữ	27/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		06	02		8,25	9,20	7,00	24,45	CHUYÊN ANH
35	010401	Đinh Lê Bảo	Nghi	Nữ	20/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		06	03		8,25	9,30	9,00	26,55	CHUYÊN ANH
36	010405	Nguyễn Hoàng Gia	Nghi	Nữ	16/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Cường	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		06	02		8,25	9,00	9,50	26,75	CHUYÊN ANH
37	010425	Đoàn Đào	Nguyễn	Nam	21/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	07		7,25	8,20	9,75	25,20	CHUYÊN ANH
38	010444	Bùi Thảo	Nhi	Nữ	17/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	07		8,50	8,60	10,00	27,10	CHUYÊN ANH
39	010451	Nguyễn Hoàng An	Nhi	Nữ	09/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	ANH	VĂN	06	07		7,75	9,50	8,75	26,00	CHUYÊN ANH
40	010455	Nguyễn Phúc Uyên	Nhi	Nữ	19/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Mỹ Thạnh	Thành phố Bến Cát	2025	ANH		21	22		8,00	9,20	9,75	26,95	CHUYÊN ANH
41	010466	Huỳnh	Như	Nữ	30/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	12		8,75	9,00	10,00	27,75	CHUYÊN ANH
42	010478	Trần Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	16/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH	LÍ	02	04		7,75	9,20	8,50	25,45	CHUYÊN ANH
43	010482	Nguyễn Đức	Phát	Nam	23/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	07		8,50	9,40	10,00	27,90	CHUYÊN ANH
44	010488	Dương Đình Gia	Phú	Nam	29/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		05	22		6,75	8,40	7,50	22,65	CHUYÊN ANH
45	010497	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	17/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	ANH		09	29		7,50	8,90	9,00	25,40	CHUYÊN ANH
46	010506	Trịnh Lan	Phương	Nữ	22/11/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thái Hòa	Thành phố Tân Uyên	2025	ANH		13	14	1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,25	8,80	10,00	28,05	CHUYÊN ANH
47	010517	Nguyễn Hoàng	Quân	Nam	24/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Hiệp An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH	VĂN	05	04		8,75	8,00	9,75	26,50	CHUYÊN ANH
48	010508	Dương Minh	Quang	Nam	28/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng B	Thành phố Dĩ An	2025	ANH		09	11		7,00	8,80	9,00	24,80	CHUYÊN ANH
49	010533	Choi Un	Seo	Nữ	04/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	07		8,50	9,20	10,00	27,70	CHUYÊN ANH
50	010539	Đỗ Thành	Tài	Nam	19/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH	VĂN	06	02		7,00	8,90	9,25	25,15	CHUYÊN ANH
51	010561	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	16/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	12		7,50	9,80	9,50	26,80	CHUYÊN ANH
52	010578	Đoàn Ngọc Anh	Thư	Nữ	27/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	ANH		06	12		7,50	9,80	10,00	27,30	CHUYÊN ANH
53	010581	Lê Huỳnh Trang	Thư	Nữ	31/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	02		8,75	9,80	9,05	27,60	CHUYÊN ANH
54	010586	Phạm Lê Anh	Thư	Nữ	23/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	ANH	VĂN	21	04		7,25	9,50	10,00	26,75	CHUYÊN ANH
55	010589	Trần Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	Thành phố Bến Cát	2025	ANH		21	22		7,75	9,20	10,00	26,95	CHUYÊN ANH
56	010591	Huỳnh Ngọc Hoài	Thương	Nữ	04/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH	VĂN	06	02		7,75	9,60	10,00	27,35	CHUYÊN ANH
57	010593	Trần Phan Nhã	Thy	Nữ	24/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Hiệp An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		05	04		7,75	9,10	9,50	26,35	CHUYÊN ANH
58	010599	Nguyễn Bảo	Tín	Nam	19/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Phú	Thành phố Bến Cát	2025	ANH		06	02		8,00	9,40	10,00	27,40	CHUYÊN ANH
59	010604	Võ Thái Song	Toàn	Nam	18/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	07		8,25	9,40	10,00	27,65	CHUYÊN ANH
60	010620	Nguyễn Thái Bảo	Trần	Nữ	03/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH		03	04		8,00	9,20	10,00	27,20	CHUYÊN ANH
61	010622	Hồ Huỳnh	Trí	Nam	16/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	07		8,00	8,00	10,00	26,00	CHUYÊN ANH
62	010623	Kiều Vũ Minh	Trí	Nam	05/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	ANH		06	18		7,50	7,90	10,00	25,40	CHUYÊN ANH
63	010626	Lương Minh	Triết	Nam	31/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	12		8,25	8,70	8,00	24,95	CHUYÊN ANH
64	010634	Hoàng Lê Sơn	Trúc	Nữ	17/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Dầu Tiếng	2025	ANH		25	28		9,25	9,10	9,75	28,10	CHUYÊN ANH
65	010636	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	17/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Văn Tiêt	Thành phố Thuận An	2025	ANH		06	07	1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,75	9,00	8,00	26,75	CHUYÊN ANH
66	010641	Nguyễn Quốc	Tú	Nam	25/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường Tiểu học, THCS và THPT Việt Anh 3	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH	TOÁN				6,00	8,40	9,00	23,40	CHUYÊN ANH
67	010659	Lê Đoàn Bảo	Uy	Nam	26/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	ANH	LÍ	21	22		7,75	9,10	10,00	26,85	CHUYÊN ANH

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng	TRÚNG TUYỂN
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghề nghiệp										Đội trà	
68	010660	Nguyễn Ngọc Thanh Uyên	Nữ	29/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	ANH		06	12			8,50	9,60	10,00	28,10	CHUYỂN ANH
69	010684	Trương Nguyễn Thảo Vy	Nữ	03/07/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	ANH		09	29			9,00	9,10	10,00	28,10	CHUYỂN ANH
70	010694	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	30/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	Thành phố Bến Cát	2025	ANH	VĂN	21	03			7,50	9,80	10,00	27,30	CHUYỂN ANH
71	010043	Nguyễn Phạm Minh Anh	Nữ	07/05/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Vĩnh Tân	Thành phố Tân Uyên	2025	ĐỊA	VĂN	03	17			8,75	6,80	9,75	25,30	CHUYỂN ĐỊA
72	010068	Bùi Xuân Phạm Bảo	Nam	08/03/2010	Lâm Đồng	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	ĐỊA		06	08			7,75	5,30	8,25	21,30	CHUYỂN ĐỊA
73	010087	Nguyễn Minh Châu	Nữ	14/09/2010	Thái Bình	Trường THCS Thái Hòa	Thành phố Tân Uyên	2025	ĐỊA	SỬ	13	14			7,25	6,10	7,10	20,45	CHUYỂN ĐỊA
74	010123	Trần Khánh Đan	Nữ	04/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Thị Trung	Thành phố Tân Uyên	2025	ĐỊA		14	16			9,00	6,90	7,75	23,65	CHUYỂN ĐỊA
75	010102	Phan Vũ Minh Dung	Nữ	04/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	ĐỊA		12	14			7,50	5,90	8,00	21,40	CHUYỂN ĐỊA
76	010147	Trần Ngọc Khánh Giang	Nữ	19/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ĐỊA	VĂN	02	04			7,25	4,60	8,75	20,60	CHUYỂN ĐỊA
77	010179	Nguyễn Gia Hân	Nữ	20/04/2010	Lâm Đồng	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	VĂN	ĐỊA	21	22			7,00	7,10	9,75	23,85	CHUYỂN ĐỊA
78	010211	Nguyễn Lê Bách Hợp	Nữ	21/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	ĐỊA	VĂN	06	02			7,25	7,00	9,75	24,00	CHUYỂN ĐỊA
79	010216	Lê Đình Nhật Huy	Nam	21/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Hiệp An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ĐỊA		06	05			8,00	7,50	9,25	24,75	CHUYỂN ĐỊA
80	010218	Nguyễn Ngọc Quan Huy	Nam	08/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	VĂN	ĐỊA	03	05			7,75	6,50	8,25	22,50	CHUYỂN ĐỊA
81	010223	Trương Gia Huy	Nam	24/10/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Tân Đồng Hiệp	Thành phố Dĩ An	2025	ĐỊA		08	30			6,50	6,20	7,50	20,20	CHUYỂN ĐỊA
82	010227	Phan Thị Mỹ Huyền	Nữ	09/06/2009	Đồng Tháp	Trường THCS Vĩnh Tân	Thành phố Tân Uyên	2025	ĐỊA	VĂN	03	17			8,50	6,70	7,75	22,95	CHUYỂN ĐỊA
83	010269	Nguyễn Trung Khoa	Nam	04/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ĐỊA		06	03			7,75	7,10	8,75	23,60	CHUYỂN ĐỊA
84	010276	Lê Nguyễn Minh Khôi	Nam	26/01/2010	Bình Dương	Trường TH-THCS Tân Định	Huyện Bắc Tân Uyên	2025	ĐỊA		16	18			7,50	3,80	7,50	18,80	CHUYỂN ĐỊA
85	010311	Võ Thanh Lâm	Nam	04/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Hiệp An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ĐỊA		02	05			8,50	7,50	9,75	25,75	CHUYỂN ĐỊA
86	010312	Đinh Thái Hà Linh	Nữ	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	VĂN	ĐỊA	03	05			6,75	6,00	5,75	18,50	CHUYỂN ĐỊA
87	010354	Đinh Tiến Minh	Nam	19/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Hiệp An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ĐỊA		02	05			7,75	6,30	7,00	21,05	CHUYỂN ĐỊA
88	010436	Trần Khôi Nguyên	Nam	12/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH	ĐỊA	06	03			8,00	9,10	9,00	26,10	CHUYỂN ĐỊA
89	010445	Hà Ngọc Thảo Nhi	Nữ	24/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Hiệp An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ĐỊA		05	04			7,25	4,20	8,25	19,70	CHUYỂN ĐỊA
90	010449	Mai Hoàng Xuân Nhi	Nữ	23/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ĐỊA	ANH	05	04			8,00	8,50	8,50	25,00	CHUYỂN ĐỊA
91	010457	Trần Gia Nhi	Nữ	15/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025	ĐỊA		18	27			8,50	6,20	8,75	23,45	CHUYỂN ĐỊA
92	010543	Nguyễn Anh Thái	Nam	06/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	ĐỊA		21	23			8,00	7,10	8,50	23,60	CHUYỂN ĐỊA
93	010574	Trương Minh Thuận	Nam	13/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Chánh Nghĩa	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ĐỊA		06	02	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,25	8,90	10,00	28,15	CHUYỂN ĐỊA
94	010614	Nguyễn Trương Quỳnh Trâm	Nữ	16/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	ĐỊA		18	27			6,50	6,40	9,25	22,15	CHUYỂN ĐỊA
95	010008	Nguyễn Nhật Bảo An	Nam	25/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA	ANH	02				6,75	9,30	9,25	25,30	CHUYỂN HÓA
96	010066	Thạch Hoàng Thy Ân	Nữ	12/04/2010	TP. Cần Thơ	Trường THCS Thới Hòa	Thành phố Bến Cát	2025	HÓA	ANH	21	04	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	9,00	8,80	10,00	28,80	CHUYỂN HÓA
97	010014	Bùi Việt Anh	Nam	20/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		06	03			8,25	7,90	10,00	26,15	CHUYỂN HÓA
98	010015	Dương Ngọc Anh	Nữ	10/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		03	04			9,50	8,60	9,75	27,85	CHUYỂN HÓA
99	010072	Hồ Hoài Bảo	Nam	10/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Hiệp An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		05	04			7,25	7,50	9,25	24,00	CHUYỂN HÓA
100	010116	Nguyễn Thới Công Dự	Nam	06/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Bình	Thành phố Dĩ An	2025	HÓA		29	13			8,25	8,10	10,00	26,35	CHUYỂN HÓA
101	010119	Nguyễn Trần Dương	Nam	08/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	Thành phố Bến Cát	2025	HÓA		03	04			7,75	9,10	10,00	26,85	CHUYỂN HÓA
102	010152	Phạm Việt Hà	Nữ	04/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	HÓA	VĂN	09	29			9,25	8,50	7,25	25,00	CHUYỂN HÓA

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng	TRÚNG TUYỂN
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										Đạt trả	
103	010159	Võ Trường	Hải	Nam	24/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường Trung - Tiểu học Pétrus Ký	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN	HÓA	06	03		8,00	8,50	10,00	26,50	CHUYÊN HÓA
104	010175	Khổng Gia	Hân	Nữ	24/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	HÓA		09	11		8,50	8,10	9,00	25,60	CHUYÊN HÓA
105	010181	Nguyễn Kim	Hân	Nữ	08/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	HÓA	ANH	06	08		8,75	8,90	10,00	27,65	CHUYÊN HÓA
106	010195	Hoàng Ngọc	Hiếu	Nam	22/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	HÓA		06	12		8,50	7,90	10,00	26,40	CHUYÊN HÓA
107	010239	Phạm	Khải	Nam	30/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA	TOÁN	06	02		6,75	7,50	9,25	23,50	CHUYÊN HÓA
108	010250	Nguyễn Minh	Khang	Nam	14/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	HÓA	ANH	06	08		8,00	7,90	10,00	25,90	CHUYÊN HÓA
109	010271	Sàn Anh	Khoa	Nam	19/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	HÓA		21	22	1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,00	5,70	9,00	22,70	CHUYÊN HÓA
110	010274	Trần Nguyễn Minh	Khoa	Nam	11/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		06	02		7,25	8,40	9,50	25,15	CHUYÊN HÓA
111	010279	Phạm Tấn	Khôi	Nam	04/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA	ANH	06	02		7,50	9,10	9,25	25,85	CHUYÊN HÓA
112	010283	Nguyễn Duy	Khương	Nam	11/05/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	HÓA		09	11		7,50	8,80	9,50	25,80	CHUYÊN HÓA
113	010319	Nguyễn Bảo Lan	Linh	Nữ	20/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		06	02		7,75	7,70	10,00	25,45	CHUYÊN HÓA
114	010322	Nguyễn Ngọc Hải	Linh	Nữ	14/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA	TOÁN	06	02		8,25	8,80	9,75	26,80	CHUYÊN HÓA
115	010368	Trần Quang	Minh	Nam	10/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		06	02		8,00	7,90	9,25	25,15	CHUYÊN HÓA
116	010374	Lý Hải	My	Nữ	21/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		06	02	1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,75	8,90	9,50	27,15	CHUYÊN HÓA
117	010395	Nguyễn Cao Hồng	Ngân	Nữ	27/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	HÓA		18	27		8,00	8,60	8,75	25,35	CHUYÊN HÓA
118	010398	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	Nữ	05/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		06	02		8,25	8,20	9,50	25,95	CHUYÊN HÓA
119	010434	Trần Bình Thảo	Nguyễn	Nữ	08/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		06	02		7,00	7,80	9,25	24,05	CHUYÊN HÓA
120	010452	Nguyễn Hoàng Uyển	Nhi	Nữ	05/11/2010	Bình Định	Trường Trung Tiểu Học Việt Anh 2	Thành phố Dĩ An	2025	HÓA	VĂN				8,50	8,60	10,00	27,10	CHUYÊN HÓA
121	010470	Ngô Thị Quỳnh	Như	Nữ	23/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		06	02		7,75	9,20	10,00	26,95	CHUYÊN HÓA
122	010490	Nguyễn Cánh Anh	Phú	Nam	28/05/2010	Nghệ An	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		06	03		7,00	7,70	9,75	24,45	CHUYÊN HÓA
123	010498	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	HÓA		06	07		8,25	8,50	9,75	26,50	CHUYÊN HÓA
124	010501	Lưu Đỗ Hà	Phương	Nữ	05/08/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		02	03		8,50	9,00	9,75	27,25	CHUYÊN HÓA
125	010510	Đỗ Nhật	Quang	Nam	12/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	HÓA		03	05		7,00	7,20	10,00	24,20	CHUYÊN HÓA
126	010552	Đào Lê Thanh	Thảo	Nữ	08/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	HÓA		18	27		8,25	8,90	10,00	27,15	CHUYÊN HÓA
127	010597	Bùi Minh	Tiến	Nam	14/10/2010	Thái Bình	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	HÓA	ANH	09	11		6,00	8,90	8,50	23,40	CHUYÊN HÓA
128	010650	Nguyễn Trần Thanh	Tùng	Nam	11/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Phú	Thành phố Bến Cát	2025	HÓA		03	04		7,75	8,70	9,25	25,70	CHUYÊN HÓA
129	010664	Ngô Nguyễn Tường	Vi	Nữ	30/09/2010	Bình Định	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	HÓA		09	11		8,75	6,70	10,00	25,45	CHUYÊN HÓA
130	010705	Trần Phan Phương	An	Nữ	03/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN	LÍ	06	07	1 - Giải Nhì cấp tỉnh	8,25	7,40	8,25	24,90	CHUYÊN LÍ
131	010067	Trần Lê Bảo	Ấn	Nam	12/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	LÍ	ANH	06	02		7,25	9,10	10,00	26,35	CHUYÊN LÍ
132	010030	Lê Trần Việt	Anh	Nam	30/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	LÍ	ANH	04	17		7,25	8,10	9,50	24,85	CHUYÊN LÍ
133	010038	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	Nữ	01/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	LÍ	ANH	06	07		8,25	9,10	8,50	25,85	CHUYÊN LÍ
134	010713	Hoàng Thị Minh	Anh	Nữ	03/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	LÍ		06	03		7,75	8,10	8,50	24,35	CHUYÊN LÍ
135	010722	Lê Việt	Anh	Nam	18/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	LÍ		29	10		7,50	7,90	9,75	25,15	CHUYÊN LÍ
136	010740	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	26/08/2010	Gia Lai	Trường THCS Châu Văn Liêm	Thành phố Thuận An	2025	LÍ		06	07		7,50	7,60	10,00	25,10	CHUYÊN LÍ
137	010741	Tổng Kỳ	Bách	Nam	25/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường TH-THCS-THPT Marie Curie	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN	LÍ	06	21		7,25	9,30	9,00	25,55	CHUYÊN LÍ

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng	TRÚNG TUYỂN
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										Điểm trả	
138	010756	Trần Gia Cường	Nam	04/04/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	LÍ	TOÁN	09	11			8,50	8,00	10,00	26,50	CHUYÊN LÍ
139	010767	Nguyễn Đức Duy	Nam	13/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Văn Tiêt	Thành phố Thuận An	2025	LÍ		06	07			7,50	5,80	10,00	23,30	CHUYÊN LÍ
140	010787	Nguyễn Duy Trường	Giang	Nam	25/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	LÍ		06	03		8,75	8,10	10,00	26,85	CHUYÊN LÍ
141	010796	Nguyễn Hồng Hải	Nam	06/03/2010	Gia Lai	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	LÍ		06	07			8,00	5,40	10,00	23,40	CHUYÊN LÍ
142	010818	Lê Viết Huy	Nam	19/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	Thành phố Thuận An	2025	LÍ		06	08			9,00	9,10	9,00	27,10	CHUYÊN LÍ
143	010819	Lương Gia Huy	Nam	01/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	LÍ		21	22			7,75	9,40	10,00	27,15	CHUYÊN LÍ
144	010856	Vũ Minh Khôi	Nam	14/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	LÍ		06	02			7,50	6,00	9,00	22,50	CHUYÊN LÍ
145	010295	Tổng Thư Kỳ	Nữ	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	LÍ	ANH	06	02			8,25	7,90	9,25	25,40	CHUYÊN LÍ
146	010865	Trần Hoàng Lâm	Nam	27/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	LÍ		02	05	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	7,90	10,00	26,90	CHUYÊN LÍ
147	010871	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	28/04/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	LÍ	VĂN	06	02			8,00	7,50	9,50	25,00	CHUYÊN LÍ
148	010875	Lê Thị Kiều Loan	Nữ	11/06/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	Thành phố Bến Cát	2025	LÍ		21	22			7,75	8,80	9,50	26,05	CHUYÊN LÍ
149	010878	Nguyễn Thành Long	Nam	22/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	Thành phố Thuận An	2025	LÍ		06	07			7,75	9,10	10,00	26,85	CHUYÊN LÍ
150	010886	Trần Hoàng Mạnh	Nam	05/01/2010	Nghệ An	Trường THCS Võ Trường Toản	Thành phố Dĩ An	0	LÍ		09	10			6,75	8,60	10,00	25,35	CHUYÊN LÍ
151	010389	Tăng Ngọc Hoàng	Nam	Nam	28/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Dĩ An	Thành phố Dĩ An	2025	ANH	LÍ	09	11		6,50	6,90	9,00	22,40	CHUYÊN LÍ
152	010902	Nguyễn Đình Năng	Nam	20/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	LÍ		09	11			7,75	7,50	9,00	24,25	CHUYÊN LÍ
153	010438	Trương Nguyễn Hà Nguyên	Nữ	02/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	LÍ	ANH	21	23			8,00	9,10	10,00	27,10	CHUYÊN LÍ
154	010440	Phan Minh Trọng Nhân	Nam	03/12/2010	Hậu Giang	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	LÍ	ANH	21	22			7,25	7,90	10,00	25,15	CHUYÊN LÍ
155	010930	Hoàng Ngọc Nhi	Nữ	22/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	LÍ		06	08			8,25	8,00	9,75	26,00	CHUYÊN LÍ
156	010944	Hoàng Tấn Phát	Nam	16/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng B	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN	LÍ	09	11			8,50	7,70	9,25	25,45	CHUYÊN LÍ
157	010965	Nguyễn Minh Quân	Nam	18/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN	LÍ	03	02			7,75	7,50	9,25	24,50	CHUYÊN LÍ
158	010974	Hoàng Phan Thiên Sơn	Nam	11/01/2010	Đồng Nai	Trường THCS Mỹ Thạnh	Thành phố Bến Cát	2025	LÍ		21	22			7,75	7,80	10,00	25,55	CHUYÊN LÍ
159	010996	Mai Đức Quang Thọ	Nam	05/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	LÍ		29	11			8,00	5,40	10,00	23,40	CHUYÊN LÍ
160	010585	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	18/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	ANH	LÍ	04	05			8,00	8,40	10,00	26,40	CHUYÊN LÍ
161	011026	Lê Thị Đoan Trang	Nữ	07/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	LÍ		02	05			8,00	8,70	10,00	26,70	CHUYÊN LÍ
162	011035	Phạm Minh Trí	Nam	11/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Võ Trường Toản	Thành phố Dĩ An	2025	LÍ		09	29			7,50	8,60	9,75	25,85	CHUYÊN LÍ
163	011042	Trần Nhật Trung	Nam	03/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	LÍ		09	29			7,75	7,60	10,00	25,35	CHUYÊN LÍ
164	011046	Nguyễn Trần Khả Tú	Nữ	04/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	LÍ		06	07			7,75	8,60	9,50	25,85	CHUYÊN LÍ
165	010048	Nguyễn Võ Trâm Anh	Nữ	26/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH		06	02			8,25	8,90	10,00	27,15	CHUYÊN SINH
166	010079	Phùng Gia Bảo	Nam	26/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH		02	05			7,25	8,00	8,25	23,50	CHUYÊN SINH
167	010088	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Nữ	13/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	SINH		06	12			8,25	7,90	9,75	25,90	CHUYÊN SINH
168	010122	Phạm Khánh Đan	Nữ	06/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH	VĂN	12	30			7,25	8,20	9,25	24,70	CHUYÊN SINH
169	010127	Phạm Công Đạt	Nam	03/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Võ Trường Toản	Thành phố Dĩ An	2025	SINH		09	10			7,75	5,50	10,00	23,25	CHUYÊN SINH
170	010114	Phan Thị Ngọc Duyên	Nữ	01/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025	SINH		30	14			7,50	7,30	8,50	23,30	CHUYÊN SINH
171	010144	Phạm Hương Giang	Nữ	05/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	SINH		18	27			8,25	5,60	10,00	23,85	CHUYÊN SINH
172	010146	Phan Thị Hương Giang	Nữ	10/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	SINH		21	23			7,50	8,90	9,50	25,90	CHUYÊN SINH

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng	TRÚNG TUYỂN
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										Đại trà	
173	010177	Lê Ngọc Hân	Nữ	12/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	SINH		06	07	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,25	9,10	10,00	28,35	CHUYÊN SINH
174	010178	Lê Nguyễn Gia Hân	Nữ	03/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH	LÍ	06	02	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	8,20	8,50	25,70	CHUYÊN SINH
175	010182	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	16/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025	SINH		18	19			9,00	7,00	9,25	25,25	CHUYÊN SINH
176	010230	Ngô Lê Quang Hưng	Nam	16/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn 2	Thành phố Thuận An	2025	SINH		30	13			7,25	6,60	10,00	23,85	CHUYÊN SINH
177	010222	Nguyễn Xuân Huy	Nam	05/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Định Hòa	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH	TOÁN	03	05			7,50	8,20	8,75	24,45	CHUYÊN SINH
178	010241	Đặng Nguyễn Vĩnh Khang	Nam	27/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường Trung - Tiểu học Pétrus Ký	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH	HÓA	06	03			6,00	8,50	8,00	22,50	CHUYÊN SINH
179	010264	Vũ Duy Khánh	Nam	23/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	SINH	TOÁN	12	13			8,00	5,70	8,50	22,20	CHUYÊN SINH
180	010265	Dương Anh Khoa	Nam	17/02/2010	Quảng Nam	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	SINH		06	13			7,50	8,70	9,00	25,20	CHUYÊN SINH
181	010284	Huỳnh Gia Kiên	Nam	25/09/2010	Bình Định	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025	SINH		06	30			8,25	8,90	10,00	27,15	CHUYÊN SINH
182	010289	Trịnh Tuấn Kiệt	Nam	01/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	SINH		21	22			7,50	8,30	9,75	25,55	CHUYÊN SINH
183	010327	Trần Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	25/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH		03	04			9,00	8,20	8,75	25,95	CHUYÊN SINH
184	010345	Cao Thiên Lý	Nữ	19/08/2010	Đồng Nai	Trường THCS Tân Bình	Thành phố Dĩ An	2025	SINH		29	13			8,25	5,60	10,00	23,85	CHUYÊN SINH
185	010402	Lê Bảo Quỳnh Nghi	Nữ	12/09/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Thuận Giao	Thành phố Thuận An	2025	SINH		06	30			8,75	8,10	9,50	26,35	CHUYÊN SINH
186	010432	Phạm Thảo Nguyên	Nữ	21/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH	VĂN	06	02			7,25	7,60	8,50	23,35	CHUYÊN SINH
187	010460	Vương Mẫn Nhi	Nữ	16/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	SINH		21	23	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,25	8,20	8,50	25,95	CHUYÊN SINH
188	010468	Lê Thị Khánh Như	Nữ	14/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Văn Tiêt	Thành phố Thuận An	2025	SINH		07	08			8,50	6,10	8,50	23,10	CHUYÊN SINH
189	010522	Nguyễn Thanh Mỹ Quyên	Nữ	01/11/2010	Tiền Giang	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	SINH		21	22			7,75	8,40	9,25	25,40	CHUYÊN SINH
190	010555	Lê Ngọc Thảo	Nữ	31/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH		06	05			8,25	7,30	8,00	23,55	CHUYÊN SINH
191	010566	Nguyễn Phước Thiện	Nam	18/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	SINH		21	22			7,25	7,10	9,00	23,35	CHUYÊN SINH
192	010567	Đỗ Duy Thịnh	Nam	26/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường Trung Tiểu Học Việt Anh 2	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN	SINH	09				7,50	7,50	9,00	24,00	CHUYÊN SINH
193	010570	Nguyễn Văn Thoại	Nam	20/10/2010	Tiền Giang	Trường THCS Phú Hòa	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH		06	02			8,00	8,30	9,50	25,80	CHUYÊN SINH
194	010582	Mai Vũ Anh Thư	Nữ	04/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường Trung - Tiểu học Pétrus Ký	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH		06	03			7,75	8,40	10,00	26,15	CHUYÊN SINH
195	010615	Trần Bảo Trâm	Nữ	06/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	SINH		12				7,75	8,40	10,00	26,15	CHUYÊN SINH
196	010661	Trần Ngọc Minh Uyên	Nữ	15/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	SINH		09	29			8,50	8,90	10,00	27,40	CHUYÊN SINH
197	010667	Phan Thanh Vinh	Nam	03/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	SINH	VĂN	29	11			7,75	8,30	8,50	24,55	CHUYÊN SINH
198	010678	Phan Nguyễn Thảo Vy	Nữ	02/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH		06	02			7,75	8,10	7,25	23,10	CHUYÊN SINH
199	010695	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Nữ	04/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SINH		06	02			8,50	7,70	10,00	26,20	CHUYÊN SINH
200	010700	Lê Quốc An	Nam	12/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Cường	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SỬ		06	02			8,25	8,50	9,00	25,75	CHUYÊN SỬ
201	010702	Nguyễn Quốc An	Nam	21/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Long Hòa	Huyện Dầu Tiếng	2025	TOÁN	SỬ	28	25			8,00	7,00	8,50	23,50	CHUYÊN SỬ
202	010703	Quách Gia An	Nam	21/07/2010	Cà Mau	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	SỬ	VĂN	21	22			8,00	4,70	8,75	21,45	CHUYÊN SỬ
203	010024	Hồ Vĩnh Minh Anh	Nữ	13/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH	SỬ	02	05			6,75	6,80	7,75	21,30	CHUYÊN SỬ
204	010736	Văn Nguyễn Nam Anh	Nam	14/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	SỬ	TOÁN	09	29			7,00	9,10	10,00	26,10	CHUYÊN SỬ
205	010062	Vũ Ngọc Ánh	Nữ	27/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	ANH	SỬ	06	07			7,50	7,90	9,00	24,40	CHUYÊN SỬ
206	010753	Tổng Mai Chi	Nữ	15/09/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Lê Thị Trung	Thành phố Tân Uyên	2025	SỬ		14	16			8,75	5,00	7,25	21,00	CHUYÊN SỬ
207	010761	Lê Thị Thùy Dung	Nữ	20/10/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SỬ		03	04			8,25	7,00	8,50	23,75	CHUYÊN SỬ

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng	TRÚNG TUYỂN
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										Đại trà	
208	010148	Huỳnh Ngọc	Giàu	Nam	03/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Đồng Hòa	Thành phố Dĩ An	2025	HÓA	SỬ	09	29		8,25	3,80	8,50	20,55	CHUYÊN SỬ
209	010792	Ngô Minh Nhật	Hà	Nữ	16/03/2010	Vĩnh Phúc	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	SỬ		21	22		8,00	6,80	9,50	24,30	CHUYÊN SỬ
210	010811	Võ Thị Bích	Hiền	Nữ	06/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Bình	Thành phố Dĩ An	2025	SỬ	VĂN	29	13		8,25	7,00	9,25	24,50	CHUYÊN SỬ
211	010821	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	21/09/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường THCS Vĩnh Tân	Thành phố Tân Uyên	2025	SỬ	VĂN	03	17		7,75	5,40	9,00	22,15	CHUYÊN SỬ
212	010857	Châu Tuấn	Kiệt	Nam	15/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	SỬ		18	27		7,75	5,00	9,00	21,75	CHUYÊN SỬ
213	010870	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	23/07/2010	Phước Thọ	Trường THCS Trừ Văn Thố	Huyện Bàu Bàng	2025	SỬ		23	20		6,75	6,10	9,25	22,10	CHUYÊN SỬ
214	010881	Phan Thành	Lợi	Nam	01/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SỬ		02	05		8,25	3,10	7,75	19,10	CHUYÊN SỬ
215	010884	Phan Hồ Xuân	Mai	Nữ	30/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Văn Tiết	Thành phố Thuận An	2025	SỬ		06	07		7,75	7,30	8,75	23,80	CHUYÊN SỬ
216	010895	Tạ Anh	Minh	Nam	24/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	SỬ		09	11		7,75	6,90	7,50	22,15	CHUYÊN SỬ
217	010388	Phạm Hương	Nam	Nữ	25/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Phú	Thành phố Bến Cát	2025	TIN	SỬ	04	05		7,75	6,20	8,50	22,45	CHUYÊN SỬ
218	010906	Nguyễn Ngọc Thu	Ngân	Nữ	14/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	SỬ		09	29		8,00	6,60	8,00	22,60	CHUYÊN SỬ
219	010419	Nguyễn Lưu Hoàng	Ngọc	Nữ	16/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Chánh Nghĩa	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SỬ	ANH	06	02		8,50	6,80	7,25	22,55	CHUYÊN SỬ
220	010918	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	16/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SỬ		03	04	1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,50	4,90	7,00	21,40	CHUYÊN SỬ
221	010454	Nguyễn Nhật Hà	Nhi	Nữ	05/04/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	SỬ	TIN	09	10		8,25	6,40	8,75	23,40	CHUYÊN SỬ
222	010936	Nguyễn Đỗ Khiết	Nhi	Nữ	16/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	Thành phố Tân Uyên	2025	SỬ		06	03		8,00	7,80	8,50	24,30	CHUYÊN SỬ
223	010937	Nguyễn Trần Yến	Nhi	Nữ	27/11/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Chuẩn	Thành phố Thuận An	2025	SỬ		12	08		7,25	4,80	7,50	19,55	CHUYÊN SỬ
224	010955	Nguyễn Lê	Phương	Nữ	29/11/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Nguyễn Văn Tiết	Thành phố Thuận An	2025	SỬ		07	08		8,00	5,80	7,75	21,55	CHUYÊN SỬ
225	010966	Lê Kiến	Quốc	Nam	25/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SỬ		03	05		7,75	5,80	6,50	20,05	CHUYÊN SỬ
226	010977	Nguyễn Thái	Sơn	Nam	20/09/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS Thới Hòa	Thành phố Bến Cát	2025	SỬ		21	22		8,25	3,60	8,75	20,60	CHUYÊN SỬ
227	010980	Ngô Thị Hoài	Tâm	Nữ	06/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	SỬ		21	04		7,00	6,50	8,75	22,25	CHUYÊN SỬ
228	010990	Trần Thị Thanh	Thảo	Nữ	02/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Minh Tân	Huyện Dầu Tiếng	2025	SỬ		26	25		7,00	4,90	8,25	20,15	CHUYÊN SỬ
229	010994	Đỗ Tiến	Thịnh	Nam	14/01/2010	Thái Bình	Trường THCS Hòa Phú	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	SỬ		03	04		7,25	8,70	10,00	25,95	CHUYÊN SỬ
230	011014	Trần Lê Song	Thư	Nữ	06/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Lý Tự Trọng	Thành phố Bến Cát	2025	SỬ		03	04		6,75	8,20	9,50	24,45	CHUYÊN SỬ
231	011030	Võ Ngọc	Trâm	Nữ	17/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	SỬ	VĂN	06	12		8,00	8,20	9,50	25,70	CHUYÊN SỬ
232	011062	Trương Quốc	Việt	Nam	27/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Dầu Tiếng	2025	SỬ		25	24		8,25	5,20	7,00	20,45	CHUYÊN SỬ
233	011065	Dương Yến	Vy	Nữ	20/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Tân Bình	Thành phố Dĩ An	2025	SỬ		09	11		8,25	8,50	9,50	26,25	CHUYÊN SỬ
234	010004	Lương Hữu Bình	An	Nam	07/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TIN		06	30		8,50	9,20	9,75	27,45	CHUYÊN TIN
235	010019	Đỗ Doãn Khoa	Anh	Nam	20/03/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS Nguyễn Văn Tiết	Thành phố Thuận An	2025	TIN		07	08		8,75	7,40	9,75	25,90	CHUYÊN TIN
236	010035	Ngô Việt	Anh	Nam	17/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	Thành phố Bến Cát	2025	TIN		21	22		8,00	6,60	9,50	24,10	CHUYÊN TIN
237	010042	Nguyễn Minh	Anh	Nam	23/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	Thành phố Bến Cát	2025	TIN		21	04		7,25	8,10	8,50	23,85	CHUYÊN TIN
238	010049	Phạm Hoàng	Anh	Nam	15/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	Thành phố Bến Cát	2025	TIN		05	04		7,25	8,90	8,50	24,65	CHUYÊN TIN
239	010074	Lê Hà Gia	Bảo	Nam	16/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Quang Trung	Huyện Bàu Bàng	2025	HÓA	TIN	23	17		6,50	9,20	9,50	25,20	CHUYÊN TIN
240	010075	Nguyễn Đình	Bảo	Nam	08/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	VĂN	TIN	06	02		8,00	8,20	10,00	26,20	CHUYÊN TIN
241	010083	Lý Võ Thái	Bình	Nữ	23/07/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TIN		06	07		8,50	6,90	9,50	24,90	CHUYÊN TIN
242	010132	Lê Minh	Đăng	Nam	12/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	TIN		06	07		8,50	7,90	10,00	26,40	CHUYÊN TIN

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng	TRÚNG TUYỂN
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										Đội trà	
243	010139	Hồ Hoàng	Đức	Nam	18/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Hòa Phú	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TIN		03	04		8,25	8,40	10,00	26,65	CHUYÊN TIN
244	010215	Lại Quốc	Huy	Nam	21/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TIN		06	02		8,50	8,70	9,75	26,95	CHUYÊN TIN
245	010285	Đình Quốc	Kiệt	Nam	23/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Chánh Phú Hòa	Thành phố Bến Cát	2025	TIN		04	23		8,25	8,20	9,50	25,95	CHUYÊN TIN
246	010343	Vũ Quốc	Luật	Nam	01/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TIN	VĂN	06	07		8,75	8,60	10,00	27,35	CHUYÊN TIN
247	010492	Nguyễn Đức	Phúc	Nam	06/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Võ Trường Toản	Thành phố Dĩ An	2025	TIN		09	10		7,50	6,80	10,00	24,30	CHUYÊN TIN
248	010516	Hsiao Nghi	Quân	Nữ	24/03/2010	Quảng Ninh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TIN	TOÁN	06	07	1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	9,00	8,60	9,00	27,60	CHUYÊN TIN
249	010537	Nguyễn Hoàng	Son	Nam	08/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TIN		06	03		7,00	8,20	9,00	24,20	CHUYÊN TIN
250	010571	Đào Bá	Thông	Nam	27/06/2010	Bình Định	Trường THCS Hiệp An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TIN		02	04		6,50	7,20	10,00	23,70	CHUYÊN TIN
251	010657	Vương Khánh	Tường	Nữ	08/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	Thành phố Thuận An	2025	TIN		06	07	1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,75	9,40	9,00	27,15	CHUYÊN TIN
252	010666	Ngô Nguyễn Quốc	Vĩ	Nam	15/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Thị Trung	Thành phố Tân Uyên	2025	TIN		14	16		8,50	8,70	9,00	26,20	CHUYÊN TIN
253	010002	Huỳnh Khang	An	Nam	05/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Định Hòa	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN	ANH	03	05		7,25	8,00	9,50	24,75	CHUYÊN TOÁN
254	010706	Trương Thanh	An	Nữ	27/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN		09	11		8,50	8,00	9,50	26,00	CHUYÊN TOÁN
255	010018	Đình Hà Kim	Anh	Nữ	11/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN	ANH	23	20		8,50	9,00	9,75	27,25	CHUYÊN TOÁN
256	010712	Đỗ Trịnh Hoài	Anh	Nữ	21/08/2010	Bình Dương	Trường Tiểu học - THCS An Linh	Huyện Phú Giáo	2025	TOÁN		19			7,25	7,00	10,00	24,25	CHUYÊN TOÁN
257	010734	Trần Việt	Anh	Nam	09/06/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06			8,00	8,80	10,00	26,80	CHUYÊN TOÁN
258	010743	Đỗ Gia	Bảo	Nam	19/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN		09	11		7,50	9,00	10,00	26,50	CHUYÊN TOÁN
259	010745	Phạm Thiên	Bảo	Nam	23/01/2010	Nước Ngoài	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	07		8,00	8,20	9,50	25,70	CHUYÊN TOÁN
260	010748	Phan Ngọc	Bích	Nữ	10/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN	LÍ	21	22		7,50	9,50	8,50	25,50	CHUYÊN TOÁN
261	010095	Nguyễn Quang	Danh	Nam	06/02/2010	Kiên Giang	Trường THCS Hiệp An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN	HÓA	05	04		8,25	6,80	10,00	25,05	CHUYÊN TOÁN
262	010778	Lê Quý	Đôn	Nam	02/06/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	07		8,00	8,70	10,00	26,70	CHUYÊN TOÁN
263	010784	Triệu Minh	Đức	Nam	01/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	TOÁN		18		1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,75	8,00	10,00	27,75	CHUYÊN TOÁN
264	010763	Đỗ Trọng	Dũng	Nam	04/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	07		8,00	8,40	10,00	26,40	CHUYÊN TOÁN
265	010765	Nguyễn Văn Tiến	Dũng	Nam	29/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Mỹ Thạnh	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN		21			7,50	8,20	10,00	25,70	CHUYÊN TOÁN
266	010769	Đình Đức Nam	Dương	Nam	07/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	30		8,00	9,30	10,00	27,30	CHUYÊN TOÁN
267	010110	Nguyễn Trần	Duy	Nam	20/04/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN	ANH	06	03		8,00	8,60	9,50	26,10	CHUYÊN TOÁN
268	010788	Nguyễn Khánh	Giang	Nữ	29/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN		09	11		8,00	7,60	10,00	25,60	CHUYÊN TOÁN
269	010790	Nguyễn Ngọc	Giáp	Nam	10/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	07		8,25	9,10	9,50	26,85	CHUYÊN TOÁN
270	010804	Lê Ngọc Gia	Hân	Nữ	26/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN		03	05		8,00	6,70	10,00	24,70	CHUYÊN TOÁN
271	010805	Tô Gia	Hân	Nữ	12/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	07		8,25	9,30	9,50	27,05	CHUYÊN TOÁN
272	010798	Phạm Nhật	Hào	Nam	04/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN		03	05		7,50	6,50	10,00	24,00	CHUYÊN TOÁN
273	010196	Ngô Phạm Trung	Hiếu	Nam	01/01/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	ANH	TOÁN	09	29		7,75	6,70	10,00	24,45	CHUYÊN TOÁN
274	010200	Phạm Đặng Thanh	Hóa	Nam	15/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TIN	TOÁN	02	05	1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,75	7,80	8,00	23,55	CHUYÊN TOÁN
275	010202	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	10/02/2010	Quảng Nam	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN	ANH	09	29		8,25	8,90	9,25	26,40	CHUYÊN TOÁN
276	010204	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	22/07/2010	Thái Bình	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN	ANH	09	29		7,50	9,20	10,00	26,70	CHUYÊN TOÁN
277	010206	Trần Hải	Hoàng	Nam	16/11/2010	Đồng Nai	Trường THCS Tân Đông Hiệp B	Thành phố Dĩ An	2025	ANH	TOÁN	09	29		7,75	8,40	9,50	25,65	CHUYÊN TOÁN

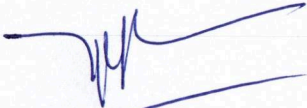
TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng	TRÚNG TUYỂN
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										Điểm trà	
278	010829	Trương Quang	Hung	Nam	10/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN	LÍ	21	23		7,50	7,40	9,00	23,90	CHUYÊN TOÁN
279	010817	Đoàn Cao Minh	Huy	Nam	04/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Dĩ An	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN		09	29		7,50	8,90	10,00	26,40	CHUYÊN TOÁN
280	010838	Đoàn Minh	Khánh	Nam	11/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Dĩ An	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN		09	29		9,00	8,20	10,00	27,20	CHUYÊN TOÁN
281	010846	Huỳnh Hữu	Khoa	Nam	12/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN	LÍ	21	22		6,75	8,50	10,00	25,25	CHUYÊN TOÁN
282	010848	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	Nam	31/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường Tiểu học, THCS và THPT Việt Anh 3	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN		06			7,25	9,30	10,00	26,55	CHUYÊN TOÁN
283	010851	Nguyễn Đình Nguyên	Khôi	Nam	03/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	07		7,75	8,70	8,25	24,70	CHUYÊN TOÁN
284	010852	Nguyễn Đỗ Đăng	Khôi	Nam	07/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN		06	03		7,25	8,90	10,00	26,15	CHUYÊN TOÁN
285	010290	Nguyễn Thiên	Kim	Nữ	24/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN	ANH	06	02		7,25	8,80	8,50	24,55	CHUYÊN TOÁN
286	010301	Phan Thị Ngọc	Lam	Nữ	21/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN	ANH	05	03		8,00	8,60	8,50	25,10	CHUYÊN TOÁN
287	010864	Trần Đại	Lâm	Nam	10/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN		09	29		7,50	7,30	8,55	23,35	CHUYÊN TOÁN
288	010315	Lê Phương	Linh	Nữ	28/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Dĩ An	Thành phố Dĩ An	2025	ANH	TOÁN	09	10		8,50	8,50	9,50	26,50	CHUYÊN TOÁN
289	010872	Phạm Khánh	Linh	Nữ	24/08/2010	Ninh Bình	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN		09	29		9,00	8,40	10,00	27,40	CHUYÊN TOÁN
290	010888	Đặng Duy	Minh	Nam	11/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN		02	04		8,50	7,90	9,75	26,15	CHUYÊN TOÁN
291	010892	Nguyễn	Minh	Nam	13/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	02		8,50	8,00	10,00	26,50	CHUYÊN TOÁN
292	010893	Nguyễn Đức	Minh	Nam	08/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Dĩ An	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN		09	30		8,50	7,10	9,25	24,85	CHUYÊN TOÁN
293	010894	Phan Tuấn	Minh	Nam	19/10/2010	Bình Định	Trường THCS Thới Hòa	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN	LÍ	21	04		9,00	8,10	10,00	27,10	CHUYÊN TOÁN
294	010904	Hoàng Ngọc	Ngân	Nữ	13/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN		06	02		7,50	8,00	10,00	25,50	CHUYÊN TOÁN
295	010911	Võ Bá	Nghị	Nam	16/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN		06	02		7,50	7,30	8,50	23,30	CHUYÊN TOÁN
296	010411	Thân Đức	Nghĩa	Nam	29/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN	ANH	06	02		8,25	8,80	10,00	27,05	CHUYÊN TOÁN
297	010914	Huỳnh Thế	Ngọc	Nam	25/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025	TOÁN		18	19		8,50	6,90	9,75	25,15	CHUYÊN TOÁN
298	010917	Lê Thanh	Ngọc	Nữ	20/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN		06	02		7,75	9,10	9,75	26,60	CHUYÊN TOÁN
299	010927	Hồ Hiền	Nhân	Nam	29/01/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN		09	11		8,75	7,60	10,00	26,35	CHUYÊN TOÁN
300	010932	Lê Uyên	Nhi	Nữ	05/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN		21	22		8,00	7,70	10,00	25,70	CHUYÊN TOÁN
301	010949	Nguyễn Minh	Phúc	Nam	19/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN		21	22		7,50	8,90	10,00	26,40	CHUYÊN TOÁN
302	010953	Nguyễn Bá Minh	Phước	Nam	30/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN		06	02		7,50	8,20	10,00	25,70	CHUYÊN TOÁN
303	010509	Đặng Nguyễn Vinh	Quang	Nam	15/08/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS Thới Hòa	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN	ANH	21	22		7,25	8,80	10,00	26,05	CHUYÊN TOÁN
304	010959	Nguyễn Hữu	Quang	Nam	17/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN	LÍ	02	04		7,25	8,40	10,00	25,65	CHUYÊN TOÁN
305	010538	Phạm Thái	Son	Nam	17/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN	TIN	06	05		7,25	9,60	9,25	26,10	CHUYÊN TOÁN
306	010984	Phạm Tuấn	Thanh	Nam	09/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	07		7,75	7,20	9,50	24,45	CHUYÊN TOÁN
307	010551	Trần Lâm Gia	Thành	Nam	19/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN	ANH	21	22		6,75	8,70	10,00	25,45	CHUYÊN TOÁN
308	010988	Đặng Thu	Thảo	Nữ	31/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Đông Hòa	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN		09	11		8,25	8,30	10,00	26,55	CHUYÊN TOÁN
309	010563	Đỗ Trịnh Khánh	Thiên	Nữ	04/01/2010	Bắc Giang	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN	ANH	07	30		7,50	8,80	9,75	26,05	CHUYÊN TOÁN
310	010999	Trần Nguyễn Minh	Thuận	Nam	10/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	07		8,75	9,20	10,00	27,95	CHUYÊN TOÁN
311	011020	Trần Cát	Tiên	Nữ	17/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	07		8,50	8,90	10,00	27,40	CHUYÊN TOÁN
312	011024	Nguyễn Ngọc Hương	Trà	Nữ	22/07/2010	Thừa Thiên Huế	Trường THCS Võ Trường Toản	Thành phố Dĩ An	2025	TOÁN		09	10		7,25	8,00	10,00	25,25	CHUYÊN TOÁN

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng	TRÚNG TUYỂN	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										Đại trà		
313	011043	Lâm Nhật	Trường	Nam	13/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	TOÁN		18		1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	7,30	10,00	26,30	CHUYÊN TOÁN
314	011045	Trịnh Trí	Trường	Nam	14/01/2010	Bình Dương	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN		06	02			8,00	7,40	10,00	25,40	CHUYÊN TOÁN
315	010644	Huỳnh Nguyên Anh	Tuấn	Nam	10/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN	ANH	06	02			7,25	8,80	10,00	26,05	CHUYÊN TOÁN
316	010648	Trần Quang	Tuấn	Nam	25/07/2010	Bình Phước	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN	ANH	21	23			7,75	8,40	10,00	26,15	CHUYÊN TOÁN
317	011049	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	Nữ	13/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN		05	04			8,00	8,90	10,00	26,90	CHUYÊN TOÁN
318	010665	Lê Tiến	Vĩ	Nam	24/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Minh Tân	Huyện Dầu Tiếng	2025	TOÁN	ANH	26	28			8,50	8,30	9,50	26,30	CHUYÊN TOÁN
319	011059	Khuong Kỳ	Vĩ	Nam	19/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Long	Thành phố Thuận An	2025	TOÁN		06	07			8,00	9,00	10,00	27,00	CHUYÊN TOÁN
320	011063	Võ Quốc	Việt	Nam	02/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	TOÁN		06	05			8,75	8,90	10,00	27,65	CHUYÊN TOÁN
321	011064	Nguyễn Hữu	Vinh	Nam	20/10/2010	Đồng Nai	Trường THCS Phú An	Thành phố Bến Cát	2025	TOÁN		04	22			7,75	8,00	8,50	24,25	CHUYÊN TOÁN
322	010676	Nguyễn Võ Thảo	Vy	Nữ	12/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	ANH	TOÁN	05	04			8,25	9,10	9,25	26,60	CHUYÊN TOÁN
323	010039	Nguyễn Hồ Hoàng	Anh	Nữ	07/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	VĂN	ANH	21	04			7,75	7,80	7,75	23,30	CHUYÊN VĂN
324	010708	Chu Hoài	Anh	Nữ	02/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	VĂN		06	02			8,75	7,20	8,75	24,70	CHUYÊN VĂN
325	010710	Đoàn Nguyễn Hoàng	Anh	Nữ	16/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	VĂN		09	10			8,25	7,80	8,50	24,55	CHUYÊN VĂN
326	010717	Lê Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	30/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Bình	Thành phố Dĩ An	2025	VĂN		29	13			8,25	8,10	8,50	24,85	CHUYÊN VĂN
327	010061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	09/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Hòa Phú	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	VĂN	ANH	03	04			8,25	9,10	7,00	24,35	CHUYÊN VĂN
328	010742	Đinh Nguyễn Gia	Bảo	Nam	30/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	VĂN	SỬ	06	07			8,50	8,10	9,00	25,60	CHUYÊN VĂN
329	010774	Tô Linh	Đan	Nữ	21/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú Hòa	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	VĂN		06	03			9,00	8,10	7,75	24,85	CHUYÊN VĂN
330	010757	Đặng Thành	Danh	Nam	21/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	VĂN		02	04			8,75	8,70	8,50	25,95	CHUYÊN VĂN
331	010782	Phạm Tiến	Đức	Nam	22/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	VĂN		21	22			8,50	9,20	9,50	27,20	CHUYÊN VĂN
332	010115	Trần Thảo	Duyên	Nữ	30/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Đông Hòa	Thành phố Dĩ An	2025	ANH	VĂN	09	11			7,50	8,20	9,50	25,20	CHUYÊN VĂN
333	010786	Dương Đàm Hương	Giang	Nữ	25/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	VĂN		06	03			8,25	7,80	9,75	25,80	CHUYÊN VĂN
334	010794	Trần Thị Thanh	Hà	Nữ	06/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	VĂN		06	07			9,25	9,20	10,00	28,45	CHUYÊN VĂN
335	010167	Bùi Thị Minh	Hằng	Nữ	08/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	ANH	VĂN	09	11			9,25	8,60	8,25	26,10	CHUYÊN VĂN
336	010810	Phạm Thị Diệu	Hiền	Nữ	13/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	VĂN		06	07			8,50	9,40	8,75	26,65	CHUYÊN VĂN
337	010256	Trần Nguyễn Bảo	Khang	Nam	20/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	VĂN	ANH	09	29			7,75	8,80	8,75	25,30	CHUYÊN VĂN
338	010263	Tổng Kim	Khánh	Nữ	15/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Thắng B	Thành phố Dĩ An	2025	VĂN	ANH	09	13			8,25	8,20	8,00	24,45	CHUYÊN VĂN
339	010869	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	17/04/2010	Bình Thuận	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	VĂN		09	10			8,75	7,90	8,75	25,40	CHUYÊN VĂN
340	010882	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	18/03/2010	Thái Nguyên	Trường THCS Phú Hòa	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	VĂN		02	15			8,25	6,70	8,00	22,95	CHUYÊN VĂN
341	010372	Lê Nguyễn Trà	My	Nữ	20/01/2010	Quảng Bình	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	VĂN	ANH	09	11			9,25	5,60	8,50	23,35	CHUYÊN VĂN
342	010899	Trần Ngọc Hà	My	Nữ	22/09/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	VĂN		06	07			8,00	8,50	10,00	26,50	CHUYÊN VĂN
343	010383	Mai Nguyễn Chí	Nam	Nam	09/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	SINH	VĂN	09	29			8,50	7,40	9,50	25,40	CHUYÊN VĂN
344	010394	Nguyễn Bùi Kim	Ngân	Nữ	10/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Phước Khánh	Thành phố Tân Uyên	2025	VĂN	ANH	06	12			8,75	8,70	9,25	26,70	CHUYÊN VĂN
345	010957	Nguyễn Trần Yên	Phương	Nữ	16/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	VĂN		09	29			8,50	8,30	8,75	25,55	CHUYÊN VĂN
346	010540	Lê Bảo	Tâm	Nữ	14/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	VĂN	ANH	09	11			8,75	7,40	7,00	23,15	CHUYÊN VĂN
347	010979	Đỗ Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	11/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	VĂN		06	30			8,25	7,70	8,50	24,45	CHUYÊN VĂN

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng	TRÚNG TUYỂN
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										Đại trà	
348	010553	Hồ Phương Thảo	Nữ	05/04/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	VĂN	ANH	09	29			9,00	8,40	8,75	26,15	CHUYÊN VĂN
349	011007	Lê Đăng Anh	Nữ	15/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Phước	Thành phố Bến Cát	2025	VĂN		21	22			7,50	8,30	9,00	24,80	CHUYÊN VĂN
350	011010	Nguyễn Lê	Nữ	01/01/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Bình Thắng	Thành phố Dĩ An	2025	VĂN		09	11			8,25	8,00	9,25	25,50	CHUYÊN VĂN
351	011011	Nguyễn Minh	Nữ	05/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	Thành phố Bến Cát	2025	VĂN		21	22	0,5	- Giải Ba cấp tỉnh	8,50	7,90	8,00	24,90	CHUYÊN VĂN
352	010600	Trần Hữu Tín	Nam	16/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	VĂN	ANH	06	02			8,75	7,80	8,50	25,05	CHUYÊN VĂN
353	011031	Bồ Nguyễn Bảo Trân	Nữ	08/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	VĂN		18	19			8,75	8,10	8,00	24,85	CHUYÊN VĂN
354	011039	Lại Thủy Trúc	Nữ	05/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Văn Tiêt	Thành phố Thuận An	2025	VĂN		06	07			8,25	9,10	9,25	26,60	CHUYÊN VĂN
355	011055	Huỳnh Võ Thủy Vân	Nữ	02/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Chu Văn An	Thành phố Thủ Dầu Một	2025	VĂN		02	05			8,25	7,90	8,75	24,90	CHUYÊN VĂN
356	011066	Lê Phương Vy	Nữ	13/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Châu Văn Liêm	Thành phố Thuận An	2025	VĂN		06	07			8,50	7,70	9,25	25,45	CHUYÊN VĂN
357	011072	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	16/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Đại Nghĩa	Thành phố Thuận An	2025	VĂN		06	30			8,50	8,80	9,00	26,30	CHUYÊN VĂN

Danh sách có 357 học sinh./.

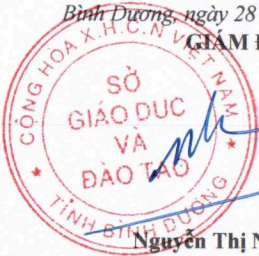
Người lập



Võ Hoàng Yến

Bình Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Nhật Hằng